



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/Attachment with decision: /QĐ-VPCNCLQG
ngày tháng 10 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm điện**
Laboratory: **Electrical Laboratory**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ**
Organization: **Xuan Loc Tho Company Limited**

Số hiệu/ Code: **VILAS 324**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Điện - Điện tử**
Field: **Electrical - Electronic**

Người quản lý/
Laboratory manager: **Đặng Văn Trình**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /10/2025 đến ngày /10/2030**

Địa chỉ/Address: **Số 51, ngõ 258 phố Tân Mai, phường Hoàng Mai, T.p Hà Nội, Việt Nam**
No. 51, Alley 258, Tan Mai street, Hoang Mai ward, Hanoi city, Vietnam

Địa điểm 1/ Location 1: **Cụm Công Nghiệp Liên Phương, xã Hồng Vân, Tp. Hà Nội, Việt Nam**
Lien Phuong Industrial Park, Hong Van Commune, Hanoi City, Vietnam

Địa điểm 2/ Location 2: **Lô 9 – CN2, Cụm Công Nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Tp. Hà Nội, Việt Nam**
Lot 9 – CN2, Ngoc Hoi Industrial Park, Ngoc Hoi Commune, Hanoi City, Vietnam

Điện thoại/ Tel: **Địa điểm 1/Location 1: 024 – 33764999 Ext: 838**
Địa điểm 2/Location 2: 024- 36840052

Email:

Website: **<https://sino.com.vn>**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 324

Địa điểm 1: Cụm công nghiệp Liên Phương, xã Hồng Vân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Location 1: Lien Phuong industrial cluster, Hong Van commune, Hanoi city, Vietnam

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Ruột dẫn dùng cho cáp cách điện (0,5 ~ 2 500) mm² <i>Conductors of Insulated cables (0,5~ 2 500) mm²</i>	Đo điện trở một chiều ruột dẫn <i>Measurement of DC resistance of conductors</i>	0,001 mΩ/ (3mΩ ~ 30 kΩ)	TCVN 6612:2007 (IEC 60228:2004)
2.	Cáp cách điện bằng PVC có điện áp danh định đến đến và bằng 450/750V <i>PVC insulation cable of rated voltage up to and including 450/750V</i>	Đo chiều dày của cách điện và chiều dày lớp vỏ bọc phi kim loại <i>Measurement of insulation thickness and thickness of non-metallic sheath</i>	0,01 mm/ (0,2 ~ 10) mm	TCVN 6610-2:2007 (IEC 60227-2:2003) và/ <i>and</i> TCVN 6614-1-1:2008 (IEC 60811-1-1:2001)
3.		Đo điện trở cách điện <i>Measurement of insulation resistance</i>	R đến/to 2x10 ¹⁴ Ω U đến/to 1 090 VDC	TCVN 6610-2:2007 (IEC 60227-2:2003)
4.		Thử điện áp trên các lõi <i>Voltage test on cores</i>	0,1kV/(0,5 ~ 5) kV	TCVN 6610-2:2007 (IEC 60227-2:2003)
5.		Thử các đặc tính cơ của hợp chất cách điện và hợp chất dùng làm vỏ bọc (trước lão hóa) <i>Mechanical properties test of insulating and sheathing compounds (before ageing)</i>	0,01 N/ (1,0 ~ 1 800) N	TCVN 6610-3:2000 (IEC 227-3:1997) và/ <i>and</i> TCVN 6614-1-1:2008 (IEC 60811-1-1:2001)
6.		Thử các đặc tính cơ của hợp chất cách điện và hợp chất dùng làm vỏ bọc (sau lão hóa). Phương pháp lão hóa nhiệt trong lò không khí <i>Mechanical properties test of insulating and sheathing compounds (after ageing). Thermal ageing in an air oven method</i>	0,01 N/ (1,0 ~ 1 800) N	TCVN 6610-3:2000 (IEC 227-3:1997) và/ <i>and</i> TCVN 6614-1-2:2008 (IEC 60811-1-2:2000)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 324

Địa điểm 1: Cụm công nghiệp Liên Phương, xã Hồng Vân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Location 1: Lien Phuong industrial cluster, Hong Van commune, Hanoi city, Vietnam

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7.	Cáp điện dùng cho điện áp danh định bằng 1kV ($U_m = 1,2$ kV) và 3kV ($U_m = 3,6$ kV) <i>Cables for rated voltages of 1kV ($U_m = 1,2$ kV) and 3kV ($U_m = 3,6$ kV)</i>	Đo điện trở một chiều ruột dẫn <i>Measurement of DC resistance of conductors</i>	0,001 mΩ / (3 mΩ ~ 30 kΩ)	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009) và/and TCVN 6612:2007 (IEC 60228:2004)
8.		Đo chiều dày của cách điện <i>Measurement of insulation thickness</i>	0,01 mm/ (0,2 ~ 10) mm	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)
9.		Đo chiều dày của lớp vỏ bọc <i>Measurement of sheath thickness</i>	0,01 mm/ (0,2 ~ 10) mm	và/ and TCVN 6614-1-1:2008 (IEC 60811-1-1:2001)
10.		Đo điện trở cách điện ở nhiệt độ lớn nhất của ruột dẫn <i>Insulation resistance measurement at maximum conductor temperature</i>	R đến/to 2×10^{14} Ω U đến/to 1 090 VDC	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)
11.		Thử điện áp <i>Voltages test</i>	0,1 kV/ (0,5 ~ 10) kV	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009)
12.		Thử các đặc tính cơ của hợp chất cách điện và hợp chất dùng làm vỏ bọc (trước lão hóa) <i>Mechanical properties test of insulating and sheathing compounds (before ageing)</i>	0,01 N/ (1,0 ~ 1 800) N	TCVN 6610-3:2000 (IEC 227-3:1997) và/ and TCVN 6614-1-2:2008 (IEC 60811-1-2:2000)
13.		Thử các đặc tính cơ của hợp chất cách điện và hợp chất dùng làm vỏ bọc (sau lão hóa). Phương pháp lão hóa nhiệt trong lò không khí <i>Mechanical properties test of insulating and sheathing compounds (after ageing). Thermal ageing in an air oven method</i>	0,01 N/ (1,0 ~ 1 800) N	TCVN 5935-1:2013 (IEC 60502-1:2009) và/ and TCVN 6614-1-2:2008 (IEC 60811-1-2:2000)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 324

Địa điểm 2: Lô 9 – CN2, Cụm Công Nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Location 2: Lot 9 – CN2, Ngoc Hoi Industrial Park, Ngoc Hoi Commune, Hanoi City, Vietnam

Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử

Field of testing: Electrical - Electronic

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Áp tô mát bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các hệ thống lắp đặt tương tự: Áp tô mát dùng cho điện xoay chiều <i>Circuit-breakers for overcurrent protection for household and similar installations: Circuit- breakers for A.C- peration</i>	Thử bảo vệ chống điện giật <i>Protection against electric shock test</i>	Đầu dò/ Probe H8	TCVN 6434-1:2018 (IEC 60898-1:2015) Mục/Clause 9.6
2.		Thử độ tăng nhiệt <i>Temperature-rise test</i>	0,1 s/(1 s ~ 99 h) 0,1 °C/(0 ~ 300) °C 0,1 A/(0 ~ 150) A	TCVN 6434- 1:2018 (IEC 60898-1:2015) Mục/Clause 9.8.4
3.		Thử đặc tính thời gian – dòng điện <i>Time – current characteristic test</i>	(6 ~ 1 200) A 0,1 s/(0,1 s ~ 4 h) 0,1 °C/(0 ~ 300) °C	TCVN 6434- 1:2018 (IEC60898-1:2015) Mục/Clause 9.10.2
4.		Thử độ bền cơ và độ bền điện <i>Mechanical and electrical endurance test</i>	0,001s/(0,1 ~ 999) s 0,1 A/(0 ~ 100) A 10 V/(0,1 ~ 5) kV	TCVN 6434-1:2018 (IEC60898-1:2015) Mục/Clause 9.11
5.	Áp tô mát tác động bằng dòng dư có bảo vệ quá dòng dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCBO) <i>Residual current operated circuit- breakers with integral overcurrent protection household and similar uses (RCBOs)</i>	Thử bảo vệ chống điện giật <i>Protection against electric shock test</i>	Đầu dò/ Probe H3	TCVN 6951-1:2007 (IEC61009-1:2003) Mục/Clause 9.6
6.		Thử độ tăng nhiệt <i>Temperature-rise test</i>	0,1s/(1s ~ 99h) 0,1 °C/(0 ~ 300) °C 0,1 A/(0 ~ 150) A	TCVN 6951-1:2007 (IEC61009-1:2003) Mục/Clause 9.8.4
7.		Kiểm tra tác động chính xác trong trường hợp dòng dư tăng chậm, và kiểm tra tác động chính xác khi đóng có dòng dư <i>Check of correct operation in case of a steady increase of residual current, and check of correct operation at closing on residual current</i>	0,1 mA/(2 ~ 500) mA 0,01 s/(0 s ~ 2 s) 2 °C / (-20 ~ 40) °C	TCVN 6951-1:2007 (IEC 61009-1:2003) Mục/Clause 9.9.1.2a,b
8.		Thử đặc tính thời gian (quá) dòng điện <i>Time-current characteristic test</i>	(6 ~ 1 200) A 0,1 s/ (0,1 s ~ 4 h) 0,1 °C / (0 ~ 300) °C	TCVN 6951-1:2007 (IEC61009-1:2003) Mục/Clause 9.9.2.1
9.		Thử độ bền cơ và độ bền điện <i>Mechanical and electrical endurance test</i>	0,001s/(0,1 ~ 999) s 0,1 A/(0 ~ 100) A 10 V/(0,1~5) kV	TCVN 6951-1:2007 (IEC61009-1:2003) Mục/Clause 9.10

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 324

Địa điểm 2: Lô 9 – CN2, Cụm Công Nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Location 2: Lot 9 – CN2, Ngoc Hoi Industrial Park, Ngoc Hoi Commune, Hanoi City, Vietnam

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
10.	Áp tô mát tác động bằng dòng dư, không có bảo vệ quá dòng, dùng trong gia đình và các mục đích tương tự (RCCB) <i>Residual current operated circuit-breakers with integral overcurrent protection household and similar uses (RCCBs)</i>	Thử bảo vệ chống điện giật <i>Protection against electric shock test</i>	Đầu dò/ Probe H3	TCVN 6950-1:2007 (IEC61008-1:2006) Mục/Clause 9.6
11.		Thử độ tăng nhiệt <i>Temperature-rise test</i>	0,1s/(1s ~ 99h) 0,1 °C /(0 ~ 300) °C 0,1A/(0 ~ 150) A	TCVN 6950-1:2007 (IEC61008-1:2006) Mục/Clause 9.8
12.		Thử nghiệm không tải với dòng dư xoay chiều hình sin ở nhiệt độ chuẩn 20 °C ± 2 °C <i>Off-load test with residual sinusoidal alternating current at the reference temperature 20 °C ± 2 °C</i>	0,1mA/(2 ~ 500) mA 0,01s/(0s ~ 2s) 2 °C/ (-20 ~40) °C	TCVN 6950-1:2007 (IEC61008-1:2006) Mục/Clause 9.9.2.1, 9.9.2.2
13.		Thử độ bền cơ và độ bền điện <i>Mechanical and electrical endurance test</i>	0,01s/(0,1s ~ 999s) 0,1A/(0 ~ 100) A 10V/(0,1~5) kV	TCVN 6950-1:2007 (IEC61008-1:2006) Mục/Clause 9.10
14.	Thiết bị đóng cắt dùng cho hệ thống lắp đặt điện cố định trong gia đình và các hệ thống điện tương tự <i>Switches for household and similar fixed - electrical installations</i>	Thử bảo vệ chống điện giật <i>Protection against electric shock test</i>	Đầu dò/ Probe H1 (TCVN 4255)	TCVN 6480-1:2008 (IEC60669-1:2007) Mục/Clause 10.1
15.		Thử độ tăng nhiệt <i>Temperature-rise test</i>	0,1s/(1s ~ 99h) 0,1°C /(0 ~ 300) °C 0,1A/(0 ~ 150) A	TCVN 6480-1:2008 (IEC 60669-1:2007) Mục/Clause 17
16.		Thử hoạt động bình thường <i>Normal operation test</i>	0,1V/(0 ~ 300) V 0,1A/(0 ~ 20) A 0,1s/(0,1s ~ 99 h) 10V/(0,1~5) kV	TCVN 6480-1:2008 (IEC 60669-1:2007) Mục/Clause 19.1

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 324

Địa điểm 2: Lô 9 – CN2, Cụm Công Nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Location 2: Lot 9 – CN2, Ngoc Hoi Industrial Park, Ngoc Hoi Commune, Hanoi City, Vietnam

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
17.	Ổ cắm và phích cắm dùng trong gia đình và các mục đích tương tự <i>Plugs and socket - outlet for household and similar purpose</i>	Thử nghiệm bảo vệ chống điện giật <i>Protection against electric shock test</i>	Đầu dò tiêu chuẩn/ <i>Test probe</i> B (IEC 61032)	TCVN 6188-1:2007 (IEC60884-1:2002) Mục/Clause 10.1
18.		Thử độ tăng nhiệt <i>Temperature-rise test</i>	0,1s/(1s ~ 99h) 0,1 °C/(0 ~ 300) °C 0,1A/(0 ~ 150) A	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) Mục/Clause 19
19.		Thử hoạt động bình thường <i>Normal operation test</i>	0,1V/(0 ~ 300) V 0,1A/(0 ~ 20) A 0,1s/(0,1s ~ 99h) 10V/(0,1~5) kV Dưỡng/ Probe H9; H10	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) Mục/Clause 21
20.		Thử lực rút phích cắm <i>Force necessary to withdraw the plug test</i>	2N; 50N 0,1s/(0 ~ 24) h	TCVN 6188-1:2007 (IEC 60884-1:2002) Mục/Clause 22
21.	Quạt thông gió hút gắn trần, gắn tường <i>Ceiling and wall mounted exhaust fans</i>	Đo công suất vào và dòng điện <i>Measurement of power input and current</i>	0,001A/(0 ~ 5) A 0,1W/(0 ~ 1500) W 0,1V/(0 ~ 300) V	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2-80:2007 (IEC 60335-2-80:2005) Mục/Clause 10
22.		Thử phát nóng <i>Heating test</i>	1 Ω ~ 20 MΩ 0,1°C /(0~300) °C	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2- 80:2007 (IEC 60335-2- 80:2005) Mục/Clause 11
23.		Thử độ bền điện ở nhiệt độ làm việc <i>Electric strength test at operating temperature</i>	10 V/(0,1 ~ 5) kV 0,01 mA/(0 ~ 10) mA	TCVN 5699-1:2010 (IEC 60335-1:2010) TCVN 5699-2- 80:2007 (IEC 60335-2- 80:2005) Mục/Clause 13

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 324

Địa điểm 2: Lô 9 – CN2, Cụm Công Nghiệp Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Location 2: Lot 9 – CN2, Ngoc Hoi Industrial Park, Ngoc Hoi Commune, Hanoi City, Vietnam

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
24.	Môđun LED dùng cho chiếu sáng thông dụng <i>LED modules for general lighting</i>	Thử bảo vệ chống tiếp xúc ngẫu nhiên với các bộ phận mang điện <i>Protected against accidental contact with live parts test</i>	Đầu dò tiêu chuẩn/ <i>Test probe</i> TN-BVCDG 0,1 V/(0 ~ 300) V 0,1 s/(1 s ~ 99 h)	TCVN 8782:2017 (IEC62560:2015) Mục/Clause 7
25.		Đo quang thông <i>Measurement of luminous flux</i>	U _{AC} : 0,1V/(0~300)V I _{AC} max: 2,1A U _{DC} : 0,1V/(0~30)V I _{DC} max: 5A 0,1/(0~20 000) Lm	TCVN 10485:2015 (IEC62717:2014) Mục/Clause 8.1
26.		Thử nghiệm độ bền đóng cắt nguồn môđun LED <i>Durability test for LED module Supply switching</i>	0,1s/(1s ~ 99h) U _{AC} : 0,1V/(0~300)V I _{AC} max: 2,1A U _{dc} : 0,1V/(0~30)V I _{DC} max: 5A 0,1/(0~20 000) Lm	TCVN 10485:2015 (IEC62717:2014) Mục/Clause 10.3.3

Chú thích/ Note:

- IEC: Ủy ban Kỹ thuật Điện Quốc tế/ *International Electrotechnical Commission*
- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam / *Viet Nam National Standard*
- Trường hợp Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Xuan Loc Tho Company Limited that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./*

